| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KẾ SÁCH**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-8-2020.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.
.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm N dân*:

1. Ông Thiều Hoàng Mới;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

***- Thư ký phiên tòa***: bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:*** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp: *"Hôn Nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: ông Trần Văn N, sinh ngày 12/8/1988.

Địa chỉ: Số nhà 27A/136, đường T, khu phố H, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn*: bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số nhà 270/3, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:**

Ông N và bà Võ Thị Minh T cưới nhau và chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi nhau. Ông N và bà T đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013, hiện đang ở cùng với bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay ông N yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Minh T.

Ông đồng ý giao cho bà T tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013 hiện đang sống với bà T đến trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông và ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2020.

**Tại bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/8/2020 bị đơn là bà Võ Thị Minh T trình bày:**

Bà thừa nhận toàn bộ nội dung ông N trình bày về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Bà không phản đối, không phản tố. Bà đồng ý ly hôn, đồng ý nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên tòa bà đồng ý xét xử vắng mặt ông N.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, cho ông N được ly hôn với bà T.

Về con chung: Do con chung là cháu Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013, đang ở cùng với bà T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông N cũng không yêu cầu nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, do bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng:**

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt và đồng ý xét xử vắng mặt nguyên đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân**:

Ông N và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2014, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông N và bà T đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Theo biên bản xác minh về việc xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp ngày 31/7/2020 của Tòa án N dân huyện Kế Sách: Nguyên N của việc phát sinh tranh chấp là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn N không thể tồn tại nên bà T bỏ nhà đi về quê và đem con theo, hai người sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ và chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3] Về con chung**: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 (một) người con chung tên Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013 hiện đang sống với bị đơn. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý tiếp tục được nuôi con chung. Nguyên đơn không có yêu cầu nuôi con.

Xét thấy, con chung đã được bị đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bị đơn, giao con chung là cháu Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013 hiện đang sống với bị đơn cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách tại công văn số 200/P.LĐTBXH ngày 17/8/2020. Do bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung**: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm**: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa**: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**[1] Về quan hệ hôn N**: Cho ông Trần Văn N ly hôn bà Võ Thị Minh T.

**[2] Về con chung**: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/10/2013 hiện đang sống với bà T cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định của pháp luật. Ông Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung**: ông Trần Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Võ Thị Minh T không yêu cầu.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung**: Ông N và bà T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Ông Trần Văn N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004292 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp. Bà Võ Thị Minh T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:*** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**